

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh H1 – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Tr C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng H2 – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Tr C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H1 trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hồng H2 tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tr C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2009.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã nhau do tính cách không hợp nhau và vợ chồng không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2024 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009. Khi ly hôn, ông giao cháu H3 cho bà H2 nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị Hồng H2 trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Thanh H1 tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tr C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trong cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau do ông H1 có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2024 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009. Khi ly hôn, bà đồng ý nuôi dưỡng cháu H3 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 90, 91, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh H1 cho ông Huỳnh Thanh H1 được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H2.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Lê Thị Hồng H2 có địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Tr C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Ông Huỳnh Thanh H1 yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Lê Thị Hồng H2 và đồng ý giao con chung là cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009 cho bà H2 nuôi dưỡng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Ông Huỳnh Thanh H1 là nguyên đơn và bà Lê Thị Hồng H2 là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Thanh H1 và bà Lê Thị Hồng H2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2009, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông H1 yêu cầu được ly hôn bà H2 vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2024 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Bà Lê Thị Hồng H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn do đã sống ly thân từ tháng 08/2024 cho đến nay nên đồng ý ly hôn với ông H1.

Xét thấy: Hôn nhân của ông H1, bà H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H1 là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông H1 và bà H2 có 01 người con chung là cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009. Khi ly hôn, ông H1 đồng ý giao con chung cho bà H2 nuôi dưỡng. Bà H2 đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện nay cháu H3 đang ở cùng với bà H2 và được bà H2 chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu H3 có nguyện vọng ở với bà H2. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần

cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Huỳnh Anh H3 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H1.

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh H1 được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H2.

2. Về con chung: Ông H1 và bà H2 có 01 người con chung là cháu Huỳnh Anh H3 – sinh ngày 10/4/2009.

Giao cho bà Lê Thị Hồng H2 có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là cháu Huỳnh Anh H3. Tạm thời, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Hoa không yêu cầu.

Ông Huỳnh Thanh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H1 phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013426 ngày

01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ông H1 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Tr C (số 92/2009, ngày 30/11/2009) để ghi vào sổ hộ tịch ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức

